

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: ETHYLIC ALCOHOL 96° (ETHANOL 96%)

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất: Ethylic alcohol 96° (Ethanol 96%)
- Mã CAS: 64-17-5
- Tên khác: Rượu etylic, Ethanol, C₂H₅OH
- Sử dụng đã định: Dung môi, sát khuẩn, hóa chất phòng thí nghiệm, sản xuất công nghiệp
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:
Tên công ty: Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
Mã số thuế: 0314051291
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

Phân loại theo GHS:

- GHS02: Chất dễ cháy (Flam. Liq. 2 – H225)
- GHS07: Kích ứng (Eye Irrit. 2 – H319)

Câu cảnh báo nguy hiểm:

- H225: Chất lỏng và hơi dễ cháy cao
- H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Câu phòng ngừa:

- P210: Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa, lửa trần
- P233: Giữ bình chứa kín khi không sử dụng
- P305+P351+P338: Nếu dính vào mắt: Rửa nhẹ nhàng bằng nước trong vài phút
- P337+P313: Nếu kích ứng mắt kéo dài: Tham khảo ý kiến bác sĩ
- P403+P235: Bảo quản nơi thông thoáng, mát mẻ
- P501: Xử lý chất thải theo quy định địa phương

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- Tên thành phần: Ethanol
- Mã CAS: 64-17-5
- Tỷ lệ: 96%
- Phân loại: H225, H319

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải: Đưa ra nơi thoáng khí, nếu khó thở cần hỗ trợ y tế
- Tiếp xúc da: Rửa sạch với xà phòng và nước, không cần chăm sóc y tế nếu không có triệu chứng
- Tiếp xúc mắt: Rửa với nước sạch trong ít nhất 15 phút, nếu kích ứng kéo dài cần đến cơ sở y tế
- Nuốt phải: Súc miệng, không gây nôn. Nếu cảm thấy không khỏe cần gọi bác sĩ
- Triệu chứng: Kích ứng mắt, buồn nôn, chóng mặt nếu hít lâu trong môi trường nồng độ cao

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Phương tiện chữa cháy: Bọt chữa cháy, CO₂, bột khô, nước phun sương
- Nguy cơ cháy nổ: Hơi có thể tạo hỗn hợp cháy nổ với không khí
- Bảo hộ khi chữa cháy: Mặc đồ bảo hộ và mặt nạ thở

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân: Tránh xa nguồn lửa, dùng bảo hộ thích hợp
- Biện pháp môi trường: Tránh để tràn ra cống, nguồn nước
- Phương pháp làm sạch: Dùng vật liệu thấm hút, thu gom vào bình chứa phù hợp

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng an toàn: Làm việc nơi thông thoáng, tránh hít hơi, tránh xa nguồn lửa
- Bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng khí, tránh ánh sáng và nhiệt
- Không tương thích: Chất oxy hóa mạnh

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Giới hạn phơi nhiễm (ACGIH TLV): 1000 ppm
- Trang bị bảo hộ:
 - Hô hấp: Mặt nạ chống hơi hữu cơ (nếu nồng độ cao)
 - Tay: Găng tay chống hóa chất
 - Mắt: Kính bảo hộ kín
 - Da: Quần áo bảo hộ

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- Trạng thái: Lỏng
- Màu sắc: Trong suốt
- Mùi: Đặc trưng (rượu)
- Nhiệt độ sôi: ~78.3°C
- Nhiệt độ cháy: ~13°C (điểm chớp cháy)
- Độ tan: Tan hoàn toàn trong nước

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Tính ổn định: Ổn định trong điều kiện thường
- Điều kiện tránh: Nhiệt, lửa, tia lửa điện
- Chất không tương thích: Chất oxy hóa mạnh
- Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: CO, CO₂

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- LD50 (chuột, uống): ~7060 mg/kg
- Tác động: Kích ứng mắt, hệ thần kinh trung ương nếu tiếp xúc lâu dài ở nồng độ cao

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- Độc tính sinh học: LC50 (96h, cá): >10000 mg/L
- Khả năng phân hủy: Dễ phân hủy sinh học
- Tích lũy sinh học: Không đáng kể
- Ảnh hưởng môi trường: Thấp nếu xử lý đúng cách

MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- Xử lý chất thải: Đưa đến cơ sở xử lý hóa chất công nghiệp
- Bao bì: Rửa sạch, phân loại theo quy định trước khi tái chế hoặc tiêu hủy

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- UN Number: 1170
- Nhóm đóng gói: II
- Nhãn vận chuyển: GHS02 – Chất dễ cháy
- Tên vận chuyển: Ethanol hoặc Ethylic Alcohol
- Loại nguy hiểm: 3 (chất lỏng dễ cháy)

MỤC 15: THÔNG TIN PHÁP LÝ

- Luật Việt Nam: Tuân thủ Nghị định 113/2017/NĐ-CP và TCVN 9487:2012
 - Quy định quốc tế: GHS, REACH, CLP
-

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- Ngày cập nhật: 26/11/2025
- Thông tin tham khảo: GHS, PubChem, NIOSH, ECHA, TCVN 9487:2012
- Ghi chú:
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế